TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày: 28-8-2018
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Hải.
Bà Mai Thị Kim Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-DS ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-DS ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Kim Y**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: A Quốc lộ S, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn C, sinh năm 1967 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018).
Địa chỉ: B Lê Hữu N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà **Thái Thị Ánh N**, sinh năm 1970.
Địa chỉ: C Ấp M, xã H, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông C có mặt; bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2018 của bà Phan Thị Kim Y và các lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn C có nội dung:

Ngày 03/7/2017, bà Y có cho bà Thái Thị Ánh N vay số tiền là 13.000.000đ hẹn 02 tháng trả. Ngày 11/7/2017, bà Y lại cho bà Thái Thị Ánh N mượn thêm 15.750.000đ hẹn 02 tháng trả. Khi cho vay, các bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng nhưng không có ghi vào biên nhận. Nay đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng bà N không trả cho bà Y số tiền của 02 lần vay nên bà Y khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền gốc vay là 28.750.000đ và lãi suất theo mức 1,5%/tháng từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, ông C đại diện theo ủy quyền của bà Y đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: ông xác định bà Y chỉ yêu cầu bà Thái Thị Ánh N có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền gốc hai lần vay là 28.750.000đ và tính lãi suất chậm trả từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật dân sự; ông đề nghị rút lại yêu cầu tính lãi suất cho vay từ ngày 03/7 đến ngày 03/9/2017 đối với số tiền 13.000.000đ và tính lãi suất cho vay từ ngày 11/7/2017 cho đến ngày 11/9/2017 đối với số tiền 15.750.000đ.

Bị đơn, bà Thái Thị Ánh N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Thái Thị Ánh N đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Y. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà N cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Y là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Kim Y khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Thái Thị Ánh N có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà N đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N không chấp hành. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Trần Văn C là vào ngày 03/7/2017, bà Y có cho bà Thái Thị Ánh N vay số tiền là 13.000.000đ hẹn sau 02 tháng trả;

ngày 11/7/2017, bà Y có cho bà Thái Thị Ánh N mượn thêm 15.750.000đ hẹn 02 tháng trả, không có ghi nhận mục đích sử dụng tiền vay. Nay đã quá thời hạn trả nhưng bà N không trả cho bà Y số tiền của hai lần vay nên bà Y khởi kiện yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 02 lần vay là 28.750.000đ và lãi suất từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Kèm theo lời trình bày của mình, ông C cung cấp cho Tòa án 02 Biên nhận vay tiền ngày 03/7/2017 và ngày 11/7/2017 có chữ ký và chữ viết tên Thái Thị Ánh N. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập trực tiếp cho bà Thái Thị Ánh N nhưng đương sự đều không chấp hành. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo 02 Biên nhận ngày 03/7/2017 và ngày 11/7/2017 có chữ ký và chữ viết tên bà Thái Thị Ánh N đủ cơ sở xác định có giao dịch vay tiền giữa bà Phan Thị Kim Y và bà Thái Thị Ánh N nên việc bà Y khởi kiện yêu cầu bà N trả cho bà Y số tiền gốc hai lần vay là 28.750.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Bà Y cho rằng trong các lần giao dịch thì bà Y và bà N có thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận, bà N thì không có ý kiến gì về giao dịch vay tiền giữa bà Y và bà N nhưng bà Y không có gì chứng minh được là có thỏa thuận lãi suất cho vay. Tại phiên tòa, ông C là người đại diện theo ủy quyền của bà Y rút lại một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc vay đối với 02 khoản vay cho đến ngày xét xử chứ không yêu cầu tính lãi suất từ ngày cho vay đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, trong 02 biên nhận vay tiền do bà N viết để vay tiền bà Y đều có cam kết thời hạn trả tiền vay là "02 tháng" nên có đủ căn cứ xác định thời hạn bà N phải trả cho bà Y 13.000.000đ vào ngày 03/9/2017 và 15.750.000đ vào ngày 11/9/2017 nhưng cho đến nay thì bà N vẫn chưa trả tiền vay. Căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì bà N phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền vay trong thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Bà Y yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà N vay trong thời hạn chậm trả là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi chậm thanh toán được tính cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vay 13.000.000đ vào ngày 03/7/2017 vay trong thời hạn 02 tháng nên ngày phải trả là 03/9/2017. Tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả bắt đầu là từ ngày 04/9/2017 cho đến ngày xét xử là 28/8/2018, cụ thể: 13.000.000đ x 10%/năm x 11 tháng 24 ngày = 1.273.220đ.

- Lần thứ hai vay 15.750.000đ vào ngày 11/7/2017 vay trong thời hạn 02 tháng nên ngày phải trả là 11/9/2017. Tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả bắt đầu là từ ngày 12/9/2017 cho đến ngày xét xử là 28/8/2018, cụ thể: 15.750.000đ x 10%/năm x 11 tháng 16 ngày = 1.507.695đ.

Như vậy, tổng số tiền bà N phải trả cho bà Y là: tiền gốc 28.750.000đ + 1.273.220đ + 1.507.695đ = 31.530.915đ.

Đối với tiền lãi cho vay đối với số tiền 13.000.000đ tính từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/9/2017 và tiền lãi cho vay đối với số tiền 15.750.000đ tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày 11/9/2017 do ông C đề nghị rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về phương thức thanh toán: bà Phan Thị Kim Y yêu cầu bà Thái Thị Ánh N phải có nghĩa vụ trả tiền vay, bà N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N trả cho bà Y số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: bà Thái Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 31.530.915đ = 1.576.545đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Y về việc yêu cầu bà Thái Thị Ánh N trả cho bà số tiền gốc vay là 28.750.000đ và tiền lãi suất chậm trả từ khi hết hạn vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm 2.780.915đ.

Buộc bà Thái Thị Ánh N trả cho bà Phan Thị Kim Y số tiền gốc vay là 28.750.000đ và tiền lãi là 2.780.915đ, tổng cộng là 31.530.915đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Y đối với yêu cầu tính lãi suất từ khi cho vay từ ngày 03/7 và 11/7/2017 cho đến ngày 03/9 và 11/9/2017 đối 02 lần vay là 13.000.000đ và 15.750.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Thái Thị Ánh N phải chịu 1.576.545đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Kim Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị Kim Y được nhận lại số tiền 827.000đ theo biên lai thu số 0002046 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh